

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **90** /KH-UBND

Duyên Hải, ngày **16** tháng **11** năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện xử lý đất công bị lấn, chiếm
trên địa bàn huyện Duyên Hải

Căn cứ Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 21/3/2019 của ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 4285/UBND-NN ngày 22/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện kiến nghị, đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về quản lý, khai thác và sử dụng đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Thực hiện Công văn số 3288/STNMT - QLDD ngày 13/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh quản lý, xử lý, khai thác đất công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tại Công văn số 4285/UBND-NN.

Qua kết quả kiểm tra, rà soát, khai thác và xử lý đất công trên địa bàn huyện Duyên Hải. Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải xây dựng Kế hoạch xử lý đất công bị lấn, chiếm như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

Nhằm tăng cường công tác quản lý đất công, xử lý dứt điểm các trường hợp lấn, chiếm đất công trên địa bàn huyện đúng quy định, đúng tiến độ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 4285/UBND-NN ngày 22/9/2023.

II. Nội dung, biện pháp và thời gian thực hiện:

1. Thu hồi, cắm mốc để quản lý, khai thác các thửa đất công bị lấn, chiếm nhưng không đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận. Danh sách các thửa đất công do các cơ quan, tổ chức quản lý trên địa bàn huyện trường hợp ranh giới bị lấn chiếm đã thu hồi, địa phương quản lý (đính kèm phục lục 1.2).

1.1. Biện pháp thực hiện

- Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Danh sách các thửa đất trên địa bàn quản lý: Xây dựng lịch làm việc cụ thể từng trường hợp, tổ chức thực hiện cắm trụ quản lý theo quy định, các thửa đất này người dân thống nhất trả lại đất cho Nhà nước (kèm biên bản làm việc, biên bản hiện trạng sử dụng đất của từng trường hợp), như sau:

- UBND xã Đôn Xuân: 05 thửa.

- UBND xã Đôn Châu: 01 thửa.

- UBND xã Ngũ Lạc: 02 thửa.
- UBND xã Long Khánh: 13 thửa.
- UBND thị trấn Long Thành: 02 thửa.
- UBND xã Đông Hải: 01 thửa.
- UBND xã Long Vĩnh: 02 thửa.

- Ban chỉ đạo thành lập theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải sẽ kiểm tra việc thu hồi đất công bị lấn, chiếm và việc cấm trụ ranh đất quản lý của UBND các xã, thị trấn.

1.2. Thời gian thực hiện

- Thời gian hoàn thành việc cấm trụ đến ngày 10/12/2023: Đề nghị UBND xã, thị trấn tổ chức thực hiện và có báo cáo về phòng Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15/12/2023.

2. Các trường hợp đề xuất xem xét công nhận, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Danh sách các thửa đất công do các cơ quan, tổ chức quản lý trên địa bàn huyện Duyên Hải trường hợp ranh giới bị lấn chiếm đề xuất xem xét công nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng 11 thửa như sau (*đính kèm phục lục 1.4*)

- UBND xã Dôn Châu: 01 thửa.
- UBND xã Long Vĩnh: 01 thửa.
- UBND xã Đông Hải: 09 thửa.

2.1. Biện pháp thực hiện

Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất đến phòng Tài nguyên và Môi trường đo đạc diện tích đang sử dụng đất của từng hộ, đồng thời báo cáo rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các hộ theo danh sách.

2.2. Thời gian thực hiện: Các xã thực hiện đến 10/2024 hoàn thành.

3. Các trường hợp giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, không qua đấu giá 42 thửa.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, công bố công khai, lấy ý kiến người dân danh mục các thửa đất nhỏ hẹp (quy định tại Điều 4, Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh. Căn cứ kết quả báo cáo theo Khoản 4, Điều 4 Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh. Chủ tịch UBND huyện sẽ chỉ đạo Ban chỉ đạo theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của UBND huyện Duyên Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, rà soát tổng hợp danh mục các thửa đất nhỏ hẹp trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

3.1. Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, không qua đấu giá 21 thửa, diện tích 1.906,2m² các thửa đất và diện tích này qua kiểm tra thực trạng và báo

cáo của địa phương là không thay đổi ranh giới, mốc giới so với số liệu dự án bàn giao năm 2020, do đó đề nghị giao đất theo tư liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường giao năm 2020. Theo Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*phục lục 1.3*).

3.2. Thời gian thực hiện:

- UBND xã Đôn Xuân: 13 thửa, thời gian thực hiện đến 30/12/2023.
- UBND xã Đôn Châu: 08 thửa, thời gian thực hiện từ tháng 01-02/2024.

3.3. Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, không qua đấu giá các thửa đất phải kiểm tra đo đạc lại do có chênh lệch về diện tích so với số liệu đất công được giao năm 2020 và giao đất có thu tiền 21 thửa, diện tích 7.631,3 m² trong năm 2024 (*phụ lục 1.3A*).

3.4. Thời gian thực hiện:

- UBND xã Đôn Châu: 01 thửa, thời gian thực hiện đến tháng 4/2024.
- UBND xã Ngũ Lạc: 10 thửa, thời gian thực hiện từ tháng 5-7/2024.
- UBND xã Long Khánh: 07 thửa, thời gian thực hiện từ tháng 02-03/2024.
- UBND xã Đông Hải: 01 thửa, thời gian thực hiện đến tháng 5/2024.
- UBND xã Long Vĩnh: 02 thửa, thời gian thực hiện đến tháng 4/2024.

4. Đối với 99 đoạn sông cùn, rạch cạn, diện tích 842.599,9m² các địa phương xác nhận không phải đất sông cùn, rạch cạn do nhà nước quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất khảo sát đo đạc từng đoạn sông cùn, rạch cạn, đồng thời gửi báo cáo xác minh quá trình sử dụng đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND huyện xem xét trong năm 2024 (*đính kèm phụ lục 1.8*).

5. Về chế độ báo cáo và giải quyết khó khăn, vướng mắc:

- UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ mỗi tháng 01 lần (**vào ngày 15 hàng tháng**) gửi về Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND huyện.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp và báo cáo UBND huyện định kỳ mỗi tháng 01 lần (**vào ngày 20 hàng tháng**). Đề xuất UBND huyện tổ chức cuộc họp **hàng tháng** đánh giá kết quả thực hiện, xử lý các khó khăn vướng mắc.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kế hoạch, báo cáo tiến độ, kết quả đúng thời gian quy định gửi về UBND huyện (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường tổng hợp).

2. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục đo đạc các thửa đất cần kiểm tra, khảo sát theo đề xuất của UBND các xã, thị trấn và hướng dẫn các thủ tục giao đất, công nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

3. Ban chỉ đạo theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 09/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng tinh thần Kế hoạch này, đồng thời tham mưu UBND huyện chỉ đạo xử lý đất công bị lấn, chiếm đúng quy định, đảm bảo chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đúng thời gian quy định.

Trên đây là Kế hoạch xử lý đất công bị lấn, chiếm huyện Duyên Hải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường nắm tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TN&MT tỉnh (b/c)
- TT.HU; TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- Thanh tra huyện;
- Thành viên BCD.theo QĐ 982;
- UBND xã, tt;
- BLĐ VP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Văn Huy



Phụ lục 1.2

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CÔNG BỊ LẤN, CHIẾM, ĐÃ XỬ LÝ THU HỒI XONG.

(kèm theo Kế hoạch số 90.....KH-UBND huyện ngày 16/11/2023 của UBND huyện Duyên Hải)

STT	Tên cơ quan tổ chức quản lý đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hướng xử lý	Dự kiến thời gian thực hiện
1	UBND xã Đôn Xuân	9	1451	291,10	CLN	ấp Cây Cồng	Kết quả khảo sát hộ không lấn, chiếm	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
2	UBND xã Đôn Xuân	9	1452	753,90	CLN	ấp Cây Cồng	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
3	UBND xã Đôn Xuân	9	1455	2.318,70	NDT	ấp Cây Cồng	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
4	UBND xã Đôn Xuân	10	1425	163,10	CLN	ấp Cây Cồng	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
5	UBND xã Đôn Xuân	10	1426	185,90	CLN	ấp Cây Cồng	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
				3.712,70				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
6	UBND xã Đôn Châu	9	2940	1.239,70	CLN	ấp La Bang Chợ	Hộ thống nhất giao đất lại cho nhà nước	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
				1.239,70				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
7	UBND xã Ngũ Lạc	5	3304	1.086,20	ONT-CLN	ấp Sóc Ruộng	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
8	UBND xã Ngũ Lạc	30	658	20,40	ONT	ấp Cây Da	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
				1.106,60				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
9	UBND xã Long Khánh	6	2231	159,80	CLN	ấp Cái Đồi	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
10	UBND xã Long Khánh	6	2238	95,50	CLN	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
11	UBND xã Long Khánh	6	2239	841,30	NTD	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
12	UBND xã Long Khánh	6	2240	1.030,20	CLN	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
13	UBND xã Long Khánh	6	2241	515,20	CLN	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong
14	UBND xã Long Khánh	6	2242	1.267,90	NTD	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cấm trụ xong

15	UBND xã Long Khánh	6	2243	339,90	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
16	UBND xã Long Khánh	6	2244	493,40	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
17	UBND xã Long Khánh	6	2246	740,60	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
18	UBND xã Long Khánh	6	2247	1.292,20	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
19	UBND xã Long Khánh	6	2248	1.546,60	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
20	UBND xã Long Khánh	6	2250	460,50	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
21	UBND xã Long Khánh	6	2252	1.032,10	NTS	ấp Tân Thành	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
				9.815,20				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
22	UBND TT. Long Thành	5	2553	148,20	CLN	Khóm 1	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
23	UBND TT. Long Thành	5	2552	181,40	CLN	Khóm 1	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
				329,60				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
24	UBND xã Đông Hải	7	1548	5.052,40	NTS	ấp Động Cao	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
				5.052,40				Đến ngày 15/12 /2023 cấp xã cắm trụ xong
25	UBND xã Long Vĩnh	7	2236	341,10	CLN	Xã Long Vĩnh	Hộ thống nhất đã thu hồi xong	
				341,10				
25 thửa, diện tích 21.597,30m²								



Phụ lục 1.3

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CÔNG TRƯỜNG HỢP LẤN, CHIÊM ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN
(Kèm theo Kế hoạch số: 90/KH-UBND huyện ngày 14/1/2023 của UBND huyện Duyệt Hải)

	Tên cơ quan tổ chức quản lý đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hướng xử lý	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
	XÃ ĐƠN XUÂN			1.363,8					
1	UBND xã Đơn Xuân; Trần Minh Hùng chiếm 2015	8	1237	70,9	PNK	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
2	UBND xã Đơn Xuân (Đô Chí) chiếm 2008	8	1232	17,0	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
3	UBND xã Đơn Xuân (Hứa Văn Long) chiếm 2008	8	1233	16,7	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
4	UBND xã Đơn Xuân (Cổng Minh Khánh) chiếm 2008	8	1234	16,9		xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
5	UBND xã Đơn Xuân (Cổng Minh Khánh) chiếm 2008	8	1235	17,0	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
6	UBND xã Đơn Xuân; Hứa Thị Khen chiếm 1980; Kim Đặng, Kim Thị Sang, Kim Ngọc, chiếm 1986; Hứa Thị Cùa chiếm 2000; Phan Thị Liên chiếm 1998; Lý Thành chiếm 2001.	8	1236	294,8	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
7	UBND xã Đơn Xuân; Lâm Công Phát chiếm 1980; Năm 2000 tặng cho con bà Lâm Thị Mỹ Dung	8	1238	16,6	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
8	UBND xã Đơn Xuân; Bùi Thị Vinh chiếm 1975	8	1239	25,6	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
9	UBND xã Đơn Xuân; Bùi Thị Vinh chiếm 1976	8	1240	24,0	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
10	UBND xã Đơn Xuân; Trần Văn Suông chiếm 1990 đến 2018 chuyển nhượng cho Mã Văn Chính	8	1241	12,0	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
11	UBND xã Đơn Xuân; Trầm Phụng Sơn chiếm 1990; đến 2018 chuyển nhượng cho Mã Văn Chính	8	1242	47,5	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
12	UBND xã Đơn Xuân (Thạch Kiêm) chiếm 1990	11	2946	475,2	CLN	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp lấn chiếm
13	UBND xã Đơn Xuân (Trần Minh Hùng) chiếm 2015	8	53	329,6	ONT	xã Đơn Xuân	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	30.12.2023	Trường hợp ổn định
	XÃ ĐƠN CHÂU			542,4					
14	UBND xã Đơn Châu; Lưu Thị Nói chiếm 2003	9	2072	54,6	ONT	xã Đơn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
15	UBND xã Đơn Châu; Ngô Vĩnh Phát chiếm 2003	9	2073	57,2		xã Đơn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định

16	UBND xã Đôn Châu; Lâm Thị Vững chiếm 2003	9	2077	83,8	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
17	UBND xã Đôn Châu; Nguyễn Văn Khai chiếm 2003	9	2078	105,6	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
18	UBND xã Đôn Châu; Nguyễn Thị Thơm chiếm 2003	9	2080	50,8	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
19	UBND xã Đôn Châu; Trần Thanh Nga chiếm 2003	9	2081	61,2	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
20	UBND xã Đôn Châu; Trần Thanh Nga chiếm 2003	9	2082	49,7	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
21	UBND xã Đôn Châu; Lưu Văn Chênh chiếm 2003	9	2083	79,5	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Từ 01-02.2024	Trường hợp ổn định
Tổng 21 thửa, diện tích 1.906,2 m²									



Phụ lục 1.3A

ĐANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT CÔNG TRƯỜNG HỢP LẤN, CHIẾM: ĐO ĐẠC KIỂM TRA LẠI VÀ ĐỀ XUẤT NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số: 30.../KH-UBND huyện ngày 16/11/2023 của UBND huyện Duyên Hải)

	Tên cơ quan tổ chức quản lý đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hướng xử lý	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	UBND xã Ngũ Lạc (Trần Văn Hào) hộ lấn, chiếm 2010 hiện trạng có nhà ở	30	651	38,9	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
2	UBND xã Ngũ Lạc (Sơn Lành) hộ lấn, chiếm 2012, hiện có nhà ở	30	652	38,3	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
3	UBND xã Ngũ Lạc (Sơn Lành) hộ lấn, chiếm 2013, hiện có nhà ở	30	653	34,9	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
4	UBND xã Ngũ Lạc (Lâm Bạch) hộ lấn, chiếm 1990, hiện có nhà ở	30	654	19,9	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
5	UBND xã Ngũ Lạc (Phan Văn Minh) hộ lấn, chiếm 1994, hiện có nhà ở	30	655	13,6	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
6	UBND xã Ngũ Lạc (Nguyễn Trường Phước) hộ lấn, chiếm 2007, hiện có nhà ở	30	656	18,5	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
7	UBND xã Ngũ Lạc (Phạm Thanh Hùng) hộ lấn, chiếm 1997, hiện có nhà ở	30	657	22,5	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
8	UBND xã Ngũ Lạc (Nguyễn Công Tạo) hộ lấn, chiếm 2013, hiện có nhà ở	30	659	16,1	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
9	UBND xã Ngũ Lạc (bà Núi) hộ lấn, chiếm 2013, hiện có nhà ở	30	660	20,4	ONT	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
10	UBND xã Ngũ Lạc (thừa bổ sung có 18 hộ sử dụng) các hộ lấn, chiếm 2013, hiện có nhà ở	9	1535	654,5	Ao	xã Ngũ Lạc	Giao đất có thu tiền	Từ 5-7.2024	Trường hợp lấn chiếm
				877,6					
11	UBND xã Đôn Châu; Dương Quốc Minh chiếm 2003	9	2946	216,0	ONT	xã Đôn Châu	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Đến 4.2024	Trường hợp lấn chiếm
				216,0					
12	UBND xã Đông Hải (5 hộ sử dụng để cất nhà ở) (1) Võ Thị Chuối chiếm 1991;(2)Nguyễn Bé Em chiếm 1997; (3) Lê Văn chiếm 1987; (4) Lê Văn Nhu chiếm 1989 (5) Nguyễn Văn Khởi chiếm 1995	13	37	300,2	PHK	xã Đông Hải	Giao đất có thu tiền, hiện trạng là nhà ở	Đến 5.2024	Trường hợp ổn định
				300,2					
13	UBND xã Long Khánh (Nguyễn Văn Tám) hộ lấn, chiếm 2001 để cất nhà ở	6	548	254,0	ONT	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3.2024	Trường hợp lấn chiếm
14	UBND xã Long Khánh (Ngô Văn Đệ) hộ lấn, chiếm 2002 để cất nhà ở	6	566	374,3	NTS	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3.2024	Trường hợp lấn chiếm
15	UBND xã Long Khánh (Lâm Văn Dũng) hộ lấn, chiếm 2002 để cất nhà ở	6	2232	222,2	ONT	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3.2024	Trường hợp lấn chiếm

16	UBND xã Long Khánh (Lê Thành Văn) hộ lần, chiếm 2000 để cất nhà ở	6	2233	166,5	ONT	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3-2024	Trường hợp lần chiếm
17	UBND xã Long Khánh (Phan Minh Châu) hộ lần, chiếm 2000 để cất nhà ở	6	2234	106,6	CLN	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3-2024	Trường hợp lần chiếm
18	UBND xã Long Khánh (Nguyễn Văn Bạc) hộ lần, chiếm 2001 để cất nhà ở	6	2235	190,2	CLN	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3-2024	Trường hợp lần chiếm
19	UBND xã Long Khánh (Ngô Văn Đệ) hộ lần, chiếm 2002 để cất nhà ở	6	2236	279,4	CLN	xã Long Khánh	Giao đất có thu tiền	Từ 02-3-2024	Trường hợp lần chiếm
20	UBND xã Long Vĩnh Nguyễn Văn Trộn, Ngô Lâm Nhanh, Ngô Lâm Hoàng, Huỳnh Văn Hoang các hộ chiếm từ 1988,1994 và 2000 để cất nhà ở	7	2237	3.422,3	ONT+CL N	xã Long Vĩnh	Giao đất có thu tiền cho 04 hộ,	Đến 4.2024	Trường hợp lần chiếm: phần đất nông nghiệp còn lại giao đất không thu tiền
21	UBND xã Long Vĩnh Phạm Văn Ngoãn, hộ chiếm năm 1996, một phần cất nhà ở	7	2238	1.222,0	NTS	xã Long Vĩnh	Giao đất có thu tiền;	Đến 4.2024	Trường hợp lần chiếm; phần đất nông nghiệp còn lại giao đất không thu tiền
				6.237,5)
Tổng 21 thửa, diện tích 7.631,3m²									

Phụ lục 1.4
DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CÔNG BỊ LẤN, CHIẾM,
ĐO ĐẠC KIỂM TRA LẠI ĐỀ XUẤT CÔNG NHẬN QSDĐ 2024
 (Kèm theo Kế hoạch số 90/KH-UBND huyện ngày 16/11/2023 của UBND huyện Duyên Hải)

STT	Tên cơ quan, tổ chức quản lý đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Hướng xử lý	Ghi chú
1	UBND xã Đông Hải	7	323	399.871,6	RPH	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho 06 hộ đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản. Phần còn lại kiểm lâm quản lý.	(1) Phạm Ngọc Thạch chiếm 2004, DT 800m ² ; (2) Lâm Văn Phước chiếm 2004, DT 1000m ² ; (3) Bùi Công Thiện chiếm 1999, DT 10.000m ² ; (4) Sơn Rạch My Ni chiếm 1997, DT 5000m ² ; (5) Nguyễn Thị Kết chiếm 1993, DT 6000m ² ; (6) La Văn Cầu chiếm 1993, DT 4000m ² .
2	UBND xã Đông Hải	8	310	41.603,4	RPH		Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho 08 hộ đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản. Phần còn lại kiểm lâm quản lý.	(1) Huỳnh Văn Gâm chiếm 1996, DT 3000m ² ; (2) Lê Thị Thơm chiếm 1998, DT 1000m ² ; (3) Nguyễn Văn Đen chiếm 1993, DT 5.000m ² ; (4) Nguyễn Văn Nơi chiếm 2000, DT 4500m ² ; (5) Nguyễn Thị Chi chiếm 1998, DT 2000m ² ; (6) Lâm Thị Sơn chiếm 1980, DT 5000m ² . (7) Đỗ Quốc Huy chiếm 2007, DT 2000m ² ; (8) Huỳnh Văn Tình chiếm 1995, DT 500m ² .



3	UBND xã Đông Hải	8	379	25.253,9	RPH	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho 08 hộ đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản. Phần còn lại kiểm lâm quản lý.	(1) Danh Văn Niêm chiếm 1982, DT 2700m ² ; (2) Lê Thị Ngon chiếm 1980, DT 2000m ² ; (3)Phan Văn Lực chiếm 2002, DT 2.000m ² ; (4)Huỳnh Văn Điều chiếm 2007, DT 1500m ² ; (5) Ngô Thị Tiền chiếm 2002,DT 2000m ² ; (6)Nguyễn Văn Trung chiếm 2000, DT 6000m ² . (7) Lê Thị Chung chiếm 2000,DT 5500m ² ; (8)Phạm Văn Khải chiếm 2000, DT 1500m ² .
4	UBND xã Đông Hải	8	1511	10.955,7	RPH	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho Danh Văn Đen đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.(diện tích 1500)	Phần còn lại kiểm lâm quản lý
5	UBND xã Đông Hải	8	1512	25.430,7	RPH	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho 04 hộ đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.	(1) Võ Văn Nhà chiếm 1987, DT 6000m ² ; (2) Phan Thị Rảnh chiếm 2003, DT 7200m ² ; (3)Lâm Văn Tâm chiếm 1985, DT 5.000m ² ; (4)Trương Văn Sơn chiếm 2000, DT 7.000m ² ;
6	UBND xã Đông Hải	8	1513	10.186,2	RPH		Giao đất không thu tiền theo hiện trạng cho 03 hộ đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.	(1) Danh Văn Đượm chiếm 1997, DT 3000m ² ; (2) Lê Văn Chiến chiếm 1997, DT 2000m ² ; (3)PhanThị Diệp chiếm 1997, DT 5.000m ² ;
7	UBND xã Đông Hải	2	544	3.143,2	CLN	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền cho hộ Kiều Văn Tâm đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.	Chiếm 1987 và sử dụng đến nay
8	UBND xã Đông Hải	6	598	3.427,3	NTS	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền cho hộ Nguyễn Thanh Hải đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.	Chiếm 1997 và sử dụng đến nay
9	UBND xã Đông Hải	6	599	774,1	NTS	xã Đông Hải	Giao đất không thu tiền cho hộ Nguyễn Thị Lựu đang sử dụng vào mục đích nuôi thủy sản.	Chiếm 1990 và sử dụng đến nay

				520.646,1				
10	UBND xã Long Vĩnh	9	1841	108,2	ONT	xã Long Vĩnh	Công nhận QSDĐ	Đã sử dụng từ 1985
11	UBND xã Đôn Châu	9	2945	4.023,0	ONT-NTS	xã Đôn Châu	Công nhận QSDĐ	Đã sử từ 1992
				4.131,2				
				524.777,3				



Phụ lục 1.8

TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐẤT SÔNG, RẠCH CẠN

(Kèm theo Kế hoạch số .90.../KH-UBND huyện ngày 16 / 11/2023 của UBND huyện Duyên Hải)

STT	Tên sông, rạch	Diện tích (m ²)	Giáp cận	Vị trí	Hướng đề xuất, xử lý	Ghi chú
Công		#REF!				
V. Xã Đôn Xuân						
1	Rạch	2.551,00	Thửa 691, 420	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
2	Rạch	2.790,00	Thửa 536, 1537	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
3	Rạch	2.927,00	Thửa 2005, 726	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
4	Rạch	2.867,60	Thửa 1181, 1187	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
5	Rạch	3.248,50	Thửa 1181, 1187	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
6	Rạch	4.130,70	Thửa 1140, 1146	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
7	Rạch	3.194,20	Thửa 1135, 1120	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
8	Rạch	1.959,10	Thửa 1112, 1115	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
9	Rạch	4.568,00	Thửa 1075, 1084	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
10	Rạch	2.515,30	Thửa 1037, 1046	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
11	Rạch	2.125,20	Thửa 1021, 1031	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
12	Rạch	2.886,00	Thửa 677, 755	ấp Lộ Sỏi A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
13	Rạch	8.382,00	Thửa 1434, 361	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024



14	Rạch	4.968,00	Thửa 331, 339	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
15	Rạch	4.194,00	Thửa 1248, 344	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
16	Rạch	2.193,00	Thửa 629, 579	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
17	Rạch	2.553,00	Thửa 574, 632	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
18	Rạch	2.224,00	Thửa 596, 599	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
19	Rạch	2.709,00	Thửa 517, 562	ấp Cây Cồng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
20	Rạch	2.188,70	Thửa 177, 203	ấp Chợ	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
21	Rạch	2.305,00	Thửa 1003, 145	ấp Chợ	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
22	Rạch	3.220,00	Thửa 886, 1723	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
23	Rạch	6.394,20	Thửa 81, 118	ấp Chợ	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
24	Rạch	3.540,30	Thửa 123, 750	ấp Chợ	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
25	Rạch	2.722,10	Thửa 134, 439	ấp Chợ	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
26	Rạch	3.060,00	Thửa 480, 516	ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
27	Rạch	4.029,00	Thửa 430, 442	ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
28	Rạch	2.735,00	Thửa 453, 449	ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
29	Rạch	2.214,00	Thửa 427, 421	ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
30	Rạch	3.032,00	Thửa 421, 415	ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024

31	Rạch	21.848,00	Thửa 729, 861	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
32	Rạch	3.538,00	Thửa 868, 931	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
33	Rạch	2.259,00	Thửa 930, 929	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
34	Rạch	7.121,00	Thửa 927, 810	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
35	Rạch	4.619,00	Thửa 830, 832	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
36	Rạch	6.248,00	Thửa 702, 834	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
37	Rạch	5.619,00	Thửa 839, 846	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
38	Rạch	8.928,00	Thửa 736, 744	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
39	Rạch	8.258,00	Thửa 763, 759	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
40	Rạch	3.285,00	Thửa 633, 640	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
41	Rạch	5.206,00	Thửa 1747, 1750	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
42	Rạch	5.232,00	Thửa 507, 679	ấp Cây Da	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
Cộng		180.586,90				Trong năm 2024
VI.	Xã Ngũ Lạc					Trong năm 2024
1		1.209,00	Từ thửa 10 đến thửa 39	ấp Cây Xoài	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
2		15.755,00	Từ thửa 45 đến thửa 52	ấp Cây Xoài	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
3		13.224,00	Từ thửa 144 đến thửa 246	ấp Cây Xoài	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
4		44.070,00	Từ thửa 40 đến thửa 190	ấp Cây Xoài và ấp Cây D	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024

11/0/2024

5		15.304,00	Từ thửa 57 đến thửa 101	ấp Cây Đa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
6		1.542,00	Thửa 69-957	ấp Mé Láng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
7		4.887,00	Thửa 88-121	ấp Mé Láng	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
8		15.085,00	Từ thửa 1550 đến thửa 1832	ấp Đường Liễu	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
9		69.981,00	Từ thửa 1527 đến thửa 1587	ấp Đường Liễu	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
Cộng		181.057,00				Trong năm 2024
VII.	Xã Đôn Châu					Trong năm 2024
1		16.091,00	Từ thửa 7- 13; Từ 867-856	ẤP Mồ Côi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
2		6.898,00	Từ thửa 439 đến thửa 460	ẤP Bào Môn	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
3		17.063,00	Từ thửa 437 đến thửa 491	ẤP Bào Môn	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
4		11.204,00	Từ thửa 124 đến thửa 501	ẤP Bào Môn	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
5		19.622,00	Từ thửa 804 đến thửa 824	ẤP Bào Môn	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
6		8.174,00	Từ thửa 34 đến thửa 592	ẤP Bào Môn	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
7		4.650,00	Thửa 203	ẤP Tà Rom A	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
8		3.286,00	Từ thửa 1124 đến thửa 1125	ẤP La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
9		7.941,00	Từ thửa 961 đến thửa 1086	ẤP La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
10		5.361,00	Từ thửa 1065 đến thửa 2051	ẤP La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
11		8.075,00	Từ thửa 972 đến thửa 987	ẤP La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024

12		16.311,00	Từ thửa 731 đến thửa 704	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
13		8.015,00	Từ thửa 690 đến thửa 703	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
14		3.715,00	Từ thửa 534 đến thửa 736	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
15		9.476,00	Từ thửa 498 đến thửa 760	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
16		6.589,00	Từ thửa 470 đến thửa 770	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
17		3.249,00	Từ thửa 447 đến thửa 796	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
18		4.814,00	Từ thửa 425 đến thửa 801	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
19		2.473,00	Từ thửa 302 đến thửa 401	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
20		28.233,00	Từ thửa 1876 đến thửa 869	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
21		6.419,00	Từ thửa 877 đến thửa 901	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
22		8.573,00	Từ thửa 904 đến thửa 1043	Ấp La Bang Chùa	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
23		9.793,00	Từ thửa 767 đến thửa 990	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
24		9.260,00	Từ thửa 590 đến thửa 1240	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
25		10.466,00	Từ thửa 761 đến thửa 815	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
26		3.162,00	Từ thửa 998 đến thửa 992	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
27		7.856,00	Từ thửa 1147 đến thửa 1148	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
28		19.346,00	Từ 1156-1225-1232	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024

29		3.448,00	Từ thửa 533 đến thửa 1238	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
30		7.083,00	Thửa 790	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
31		3.530,00	Từ thửa 784 đến thửa 798	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
32		7.596,00	Từ thửa 843 đến thửa 872	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
33		5.148,00	Từ thửa 918 đến thửa 835	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
34		25.150,00	Từ thửa 1020 đến thửa 1186	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
35		4.424,00	Từ thửa 1094 đến thửa 1131	Ấp La Bang Kinh	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
36		5.070,00	Từ thửa 1212 đến thửa 621	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
37		3.112,00	Từ thửa 622 đến thửa 623	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
38		4.061,00	Từ thửa 1306 đến thửa 661	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
39		12.873,00	Từ 599 -563-566-590	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
40		14.124,00	Từ 563-518-558-526-521	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
41		18.121,00	Từ 526-537-465	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
42		11.443,00	Từ thửa 536 đến thửa 458	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
43		15.625,00	Từ 389-455-459	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
44		12.310,00	Từ thửa 340 đến thửa 390	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
45		23.175,00	Từ thửa 376 đến thửa 685	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024

46		17.420,00	Từ thửa 357 đến thửa 443	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
47		18.057,00	Từ 359- 422- 414	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
48		3.071,00	Từ 211- 288- 290	Ấp Bà Nhi	Giao đất không thu tiền, theo hiện trạng sử dụng	Trong năm 2024
Cộng		480.956,00				842.599,90
Tổng cộng	99 đoạn sông cùn, rạch cạn			842.599,90		

